

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 313/2024/DS-ST
Ngày: 31-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Văn Ân
- Ông Phạm Văn Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phước – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 628/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 177/2024/QĐST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên M

Địa chỉ trụ sở chính: Phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông LEE J (Tổng giám đốc).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: **Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn T**; Địa chỉ trụ sở: Tầng B, Tòa nhà số XX, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số 199/2023/GUQ-MAFC ngày 23/5/2023)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn T: Bà **Nguyễn Thị Xuân M**, sinh năm: 1982.

Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Trọn Niềm Tin ủy quyền lại cho bà **Nguyễn Thị Lan A**, sinh năm: 2000; Địa chỉ liên hệ: Phòng số V, Tầng B, Tòa

nhà số XX, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền ngày 01/8/2023). (có mặt)

2. *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị Thúy D**, sinh năm: 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 8 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên M có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Lan A trình bày:

Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên M (sau đây viết tắt là Công ty M) có ký Hợp đồng tín dụng số: 3646735 ngày 22/9/2022 với bà Nguyễn Thị Thúy D; số tiền vay là 31.980.000 đồng (Ba mươi một triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng), lãi suất trong hạn là 44%/năm. Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty đã giải ngân theo đúng quy định trong hợp đồng cho bà D bằng hình thức chuyển vào tài khoản cá nhân của bà D. Theo thỏa thuận, bà D có trách nhiệm thanh toán trả góp hàng tháng với số tiền là 2.2025.976 đồng trong kỳ hạn 24 tháng, kể từ ngày 10/10/2022 đến ngày 10/9/2024.

Kể từ ngày được giải ngân đến nay, bà D chỉ thanh toán cho công ty được 04 kỳ với tổng số tiền là 8.206.952 đồng. Ngày 11/02/2023 đến nay, bà D không tiếp tục thanh toán trả góp theo hợp đồng đã ký với công ty. Công ty đã liên hệ nhắc nợ qua điện thoại rất nhiều lần để yêu cầu bà D thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng. Đồng thời, công ty cũng đã gửi thư đề nghị thanh toán để thông báo trực tiếp cho bà D biết về việc đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, bà D vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng cho công ty. Do bà D cố tình không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên công ty yêu cầu bà D phải thanh toán cho công ty tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/5/2024 là 48.330.172 đồng. Trong đó:

Nợ gốc: 27.801.713 đồng.

Lãi trong hạn: 10.951.036 đồng.

Lãi quá hạn: 8.690.997 đồng.

Lãi chậm trả: 886.426 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thúy D phải thanh toán lãi, phí phát sinh từ ngày 01/6/2024 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy D vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án với đề xuất Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên M khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy D thanh toán tiền vay theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 16/9/2022 nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc quyền quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy D có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đồng thời bất động sản tọa lạc tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn Nguyễn Thị Thúy D được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà D theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập vào năm 2022 nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giải quyết vụ án.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Thúy D nhưng bà D vẫn vắng mặt không đến Tòa án giải quyết, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không giao nộp tài liệu, chứng cứ bác bỏ yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải và các phiên tòa xét xử. Điều này cho thấy bà D đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[5] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[6] Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên M số 73/GP-NHĐ ngày 12/11/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0311132506 đăng ký đầu ngày 08/9/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 12/01/2022 thì Công ty M là tổ chức có

tư cách pháp nhân được quyền tham gia các giao dịch dân sự, thực hiện các hoạt động tín dụng. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy D là cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện; nội dung hợp đồng về việc cấp tín dụng phù hợp với quy định tại Điều 91, khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên hợp đồng đã giao kết có hiệu lực và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Vì vậy các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

[7] Căn cứ Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 3646735 ngày 16/9/2022, căn cứ Phiếu báo nợ số giao dịch FT22265055954911 của Ngân hàng thương mại cổ phần K, ngày giao dịch 22/9/2022, Giấy chứng nhận bảo hiểm ngày 23/9/2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn bảo hiểm nhân thọ Mirae Asset Prévoir thể hiện Công ty M có cho bà D vay tổng số tiền 31.980.000 đồng bao gồm khoản vay 30.000.000 đồng và phí bảo hiểm 1.980.000 đồng. Theo thỏa thuận của hai bên, bà D có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán vào ngày 10 hàng tháng, thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày 10/10/2022 đến ngày 10/9/2024, lãi suất 44%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, hình thức tín chấp, không có thế chấp tài sản bảo đảm. Kể từ ngày được giải ngân đến nay bà D chỉ mới thanh toán trả góp cho Công ty M được 04 kỳ với tổng số tiền là 8.206.952 đồng. Căn cứ Báo cáo lịch sử thanh toán tính lãi đến ngày 27/7/2023 thì đợt thanh toán cuối cùng của bà D là ngày 10/02/2023 thanh toán cuối cùng là ngày 10/02/2023. Từ ngày 11/02/2023 đến nay bà D không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả góp theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Công ty M.

[8] Xét thấy, bà D vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại khoản 3.6 Điều 8 Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng. Do đó, Công ty M khởi kiện yêu cầu bà D trả tiền gốc và lãi còn chưa thanh toán là phù hợp với thỏa thuận của hai bên tại khoản 3.6 Điều 3, khoản 8.3 Điều 8 Phần B của Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 21 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà D phải thanh toán cho Công ty M tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/5/2024 là 48.330.172 đồng, trong đó bao gồm:

- Nợ gốc: 27.801.713 đồng.
- Lãi trong hạn: 10.369.811 đồng.
- Lãi quá hạn: 6.333.119 đồng.
- Lãi chậm trả: 692.540 đồng.

[9] Về yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy D tiếp tục thanh toán lãi, phí phát sinh kể từ ngày 01/6/2024 cho đến khi thi hành xong bản án. Xét yêu cầu này phù hợp với quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm

2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 6 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; cụ thể: bà Nguyễn Thị Thúy D phải chịu án phí là 2.416.509 đồng. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và c khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 117 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 và 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 7, khoản 2 Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Điều 6 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên M đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy D về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Thúy D có trách nhiệm trả cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên M số tiền tính đến ngày 31/5/2024 tổng cộng là 48.330.172 đồng (Bốn mươi tám triệu, ba trăm ba mươi nghìn, một trăm bảy mươi hai đồng), trong đó bao gồm:

- Nợ gốc: 27.801.713 đồng.
- Lãi trong hạn: 10.369.811 đồng.
- Lãi quá hạn: 6.333.119 đồng.
- Lãi chậm trả: 692.540 đồng.

Kể từ ngày 01/6/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các

bên đã thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3646735 ngày 16/9/2022.

Các bên thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Thị Thúy D phải chịu 2.416.509 đồng (Hai triệu, bốn trăm mười sáu nghìn, năm trăm lẻ chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Trả lại cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 862.593 đồng (Tám trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm chín mươi ba đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0020650 ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.Bình Chánh;
- Chi cục THADS H.Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Kim Tuyền